

Số: 0370.NT.1.(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
Địa chỉ lấy mẫu : **TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT13
Thông tin lấy mẫu : Nước thải tại đầu vào hệ thống xử lý nước sinh hoạt
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

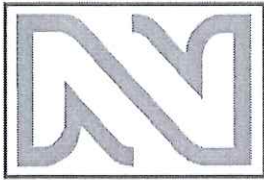
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(*) (a) (28,6 °C)	-	7,61	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^(a)	mg/L	6,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	9,92	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
4.	COD ^(a)	mg/L	17,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
5.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,70	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
6.	Tổng các CHĐBM ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
7.	Photphat ^(a)	mg/L	0,258	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.1.(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
8.	Amoni ^(a)	mg/L	3,64	0,07	12	SMEWW4500-NH ₃ .B&F:2017
9.	Nitrat ^(a)	mg/L	0,161	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
10.	Sulfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
11.	Coliform ^(a)	MPN /100mL	4.800	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



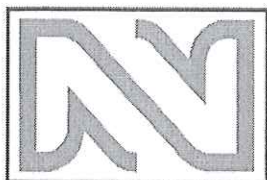
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0370.NT.2.(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
Địa chỉ lấy mẫu : **TÒA NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 30/09/2025
Mã số mẫu : 25.0370.NT14
Thông tin lấy mẫu : Nước thải tại cửa xả nước thải
Ngày phân tích mẫu : 01/10/2025

Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

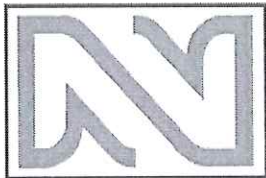
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) / Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(*) (a) (28,8°C)	-	7,83	2 ÷ 12	5 ÷ 9	TCVN 6492:2011
2.	TSS ^(a)	mg/L	42,0	4,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^(a)	mg/L	4,90	1,0	60	SMEWW 5210B:2017
4.	COD ^(a)	mg/L	12,0	3,0	-	SMEWW 5220C:2017
5.	Dầu mỡ động thực vật ^(a)	mg/L	0,750	0,3	24	SMEWW 5520.B&F:2017
6.	Tổng các CHĐBM ^(a)	mg/L	KPH	0,03	12	SMEWW 5540.B&C:2017
7.	Photphat ^(a)	mg/L	0,277	0,03	12	SMEWW 4500-P.E:2017
8.	Amoni ^(a)	mg/L	KPH	0,07	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2017

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0370.NT.2.(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 10 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn phát hiện (MDL) /Phạm vi đo	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B; K=1,2)	Phương pháp phân tích
9.	Nitrat ^(a)	mg/L	2,23	0,12	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2017
10.	Sulfua ^(a)	mg/L	KPH	0,07	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2017
11.	Coliform ^(a)	MPN /100mL	4.000	2	5.000	SMEWW 9221B:2017

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017